

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2017
QUỸ ETF VFMVN30 (E1VFN30) THÔNG QUA BẢNG HÌNH THỨC LẤY
Ý KIẾN BẢNG VĂN BẢN

- Luật chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;
- Thông tư số 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05/12/2012 hướng dẫn về việc thành lập, tổ chức & hoạt động của công ty Quản lý Quỹ;
- Thông tư số 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở;
- Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/03/2016;
- Thông tư số 229/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27/12/2012 hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 được thông qua ngày 5/4/2016;
- Căn cứ vào kết quả biểu quyết của Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2017 Quỹ ETF VFMVN30 (E1VFN30) thông qua bảng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo Biên bản kiểm phiếu ngày 13/04/2018.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2017

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2017 như sau:

- Kết thúc ngày 31/12/2017, giá trị tài sản ròng/chứng chỉ quỹ của Quỹ ETF VFMVN30 đạt 16,105.1 đồng, tăng 58,3% so với giá trị đầu năm so với chỉ số tổng thu nhập VN30 có mức tăng trưởng cùng kỳ 59,0%.
- Mức chênh lệch về tăng trưởng của Quỹ và chỉ số tổng thu nhập VN30 đạt 0,7%. Mức sai lệch (Tracking Error) giữa Quỹ và chỉ số tổng thu nhập VN30 ở mức 0,24%.
- Vào tháng Một và tháng Bảy năm 2017, Quỹ ETF VFMVN30 đã thực hiện việc cơ cấu danh mục đầu tư. Trung bình mỗi lần cơ cấu danh mục tổng giá trị mua và giá trị bán chiếm khoảng 31% tổng giá trị danh mục.
- Trong năm 2017, tổng số huy động ròng của Quỹ ETF VFMVN30 đạt gần 1,800 tỷ đồng nâng tổng số chứng chỉ Quỹ lên 170.7 triệu chứng chỉ quỹ (số chứng chỉ quỹ tăng hơn 4 lần so với năm 2016).
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ trong năm 2017 tăng hơn 6 lần so với năm 2016. Sự tăng trưởng về giá trị tài sản ròng trong năm 2017 đến từ sự tham gia đầu tư mới của các nhà đầu tư nước ngoài vào Quỹ và phần tăng trưởng giá của thị trường.

Điều 2: Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán của Quỹ

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán của Quỹ.

Điều 3: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

Mục tiêu hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của chỉ số tổng hợp VN30 (chỉ số bao gồm cộng gộp cả cổ tức) cho nên Quỹ ETF VFMVN30 đề xuất năm 2017 Quỹ sẽ không thực hiện phân phối lợi nhuận nhằm tránh làm tăng mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu.

Điều 4: Kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2018

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua Kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2018 như sau:

Để thực hiện mục tiêu của Quỹ ETF VFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của chỉ số tham chiếu, Quỹ ETF VFMVN30 sẽ tiếp tục tập trung những điểm chính như sau:

- Theo dõi và cập nhật diễn biến về giá trị giao dịch, sự kiện doanh nghiệp các cổ phiếu cấu thành nên chỉ số tham chiếu để có những điều chỉnh tỷ trọng danh mục đầu tư bám sát tỷ trọng danh mục chỉ số.
- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức sai lệch giữa Quỹ và chỉ số tham chiếu (nếu có) để có giải pháp quản lý danh mục mô phỏng đạt hiệu quả.
- Nghiên cứu các chiến lược quản lý danh mục hiệu quả khi chỉ số tham chiếu thay đổi định kỳ.

Điều 5: Lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2018

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán như đã đề xuất để thực hiện kiểm toán cho Quỹ năm 2018.

Điều 6: Tổng ngân sách hoạt động trong năm 2018 của Ban đại diện quỹ

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua Ngân sách hoạt động của Ban đại diện Quỹ dự kiến trong năm 2018, cụ thể như sau:

STT	Loại chi phí	Ngân sách 2018	Thực tế 2017	% tăng/giảm
<i>I</i>	Thù lao	58,500,000	58,500,000	0%
<i>II</i>	Chi phí đi lại	-	-	
1	Chi phí vé máy bay	-	-	
2	Chi phí khách sạn	-	-	
3	Chi phí đưa rước	-	-	
<i>III</i>	Chi phí khác (Phòng họp...)	-	-	0%
	Tổng cộng	58,500,000	58,500,000	0%

(% tăng/ giảm : là tỷ lệ % ngân sách mới 2018 được lập tăng/giảm so với thực tế 2017)

Ghi chú:

- Ngân sách 2018 dự kiến so với thực tế 2017 và được lập trên cơ sở sau:
 - Tất cả các số lần họp Ban Đại Diện được tổ chức qua conference call hoặc bằng văn bản
- Ngân sách chi phí hoạt động của Ban Đại Diện 2018 trên sẽ dùng cho 3 thành viên và 1 thư ký, với chi tiết thù lao của các thành viên BDD vẫn giữ nguyên như sau:
 - Chủ tịch BDD: Thù lao 2 triệu đồng/tháng
 - Thành viên BDD: Thù lao 1 triệu đồng/tháng
 - Thư ký BDD: Thù lao 500 nghìn đồng/tháng

- Trong trường hợp số thành viên Ban Đại Diện tăng/giảm thì ngân sách này sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng dựa trên mức chi phí cấu thành ngân sách nêu trên.

Điều 7: Điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30, cụ thể như sau:

7.1. Cập nhật, bổ sung phần “Căn cứ pháp lý”:

- **Bổ sung:** *Nghị định 145/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;*
- **Cập nhật quy định mới:** *Thay thế Thông tư 213/2012/TT-BTC ngày 6 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam bằng Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;*
- **Cập nhật quy định mới:** *Thay thế Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán; và Thông tư số 147/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy chế hành nghề chứng khoán” được ban hành kèm theo quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; bằng Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính ban hành Quy định về hành nghề chứng khoán;*
- **Bổ sung:** *Thông tư số 242/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán.*

7.2. Điều chỉnh, bổ sung phần “Các định nghĩa”: điều chỉnh “phí” thành “giá dịch vụ” cho phù hợp quy định pháp luật

“Giá dịch vụ”	Sau đây có thể gọi là Phí.
“Giá phát hành lần đầu”	Là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư để thu lại danh mục chứng khoán cơ cấu. Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm phí giá dịch vụ phát hành quy định tại khoản 9 Điều 16 của Điều lệ này.
“Giá giao dịch hoán đổi”	Là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu từ Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và ngược lại. Giá giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy một lô chứng chỉ quỹ (hay còn gọi là giá phát hành) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí giá dịch vụ phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi. Giá giao dịch hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu (hay còn gọi là giá mua lại) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí giá dịch vụ mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi.

<p>“Giá dịch vụ phát hành” hay gọi là “Phí phát hành”</p>	<p>Là phí giá dịch vụ mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ.</p> <p>Phí Giá dịch vụ này được thu khi thực hiện giao dịch và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ. Phí Giá dịch vụ phát hành này sẽ được quy định tại khoản 9 Điều 16 của Điều lệ này.</p>
<p>“Giá dịch vụ mua lại” hay gọi là “Phí mua lại”</p>	<p>Là phí giá dịch vụ mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu.</p> <p>Phí Giá dịch vụ này được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ. Phí Giá dịch vụ mua lại này sẽ được quy định tại khoản 9 Điều 16 của Điều lệ này.</p>

7.3. Điều chỉnh Khoản 9 Điều 16. Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại (giao dịch sơ cấp): điều chỉnh “phí” thành “giá dịch vụ” cho phù hợp quy định pháp luật

“ Điều 16. Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại (giao dịch sơ cấp)

...

9. Phí Giá dịch vụ phát hành, **phí giá dịch vụ** mua lại:

- a. **Phí Giá dịch vụ** phát hành: là **phí giá dịch vụ** mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ. **Phí Giá dịch vụ** này được thu khi thực hiện giao dịch và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch.
 - **Phí Giá dịch vụ** phát hành áp dụng đối với Thành viên lập quỹ được quy định tại Hợp đồng Thành viên lập quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
 - **Phí Giá dịch vụ** phát hành áp dụng đối với Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại Hợp đồng Tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
 - **Phí Giá dịch vụ** phát hành áp dụng đối với nhà đầu tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.
- b. Các mức **phí giá dịch vụ** cụ thể được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác. **Phí Giá dịch vụ** mua lại: là **phí giá dịch vụ** mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. **Phí Giá dịch vụ** này được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ.
 - **Phí Giá dịch vụ** mua lại áp dụng đối với Thành viên lập quỹ được quy định tại Hợp đồng Thành viên lập quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
 - **Phí Giá dịch vụ** mua lại áp dụng đối với áp dụng đối với Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại Hợp đồng Tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
 - **Phí Giá dịch vụ** mua lại áp dụng đối với nhà đầu tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.

Các mức **phí giá dịch vụ** cụ thể được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác **Phí Giá dịch vụ** này sẽ được căn trừ vào số tiền chênh lệch (trường hợp giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 lớn hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy chứng khoán cơ cấu). Nếu số tiền chênh lệch nhỏ hơn **phí giá dịch vụ** mua lại thì Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải đảm bảo phần chênh lệch tiền còn thiếu này được thanh toán vào tài khoản của Quỹ ETF tại ngân hàng giám sát, được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

- c. Việc điều chỉnh mức **phí giá dịch vụ** phát hành và **phí giá dịch vụ** mua lại áp dụng đối với Thành viên lập quỹ và Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được thực hiện theo thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và thành viên lập quỹ, Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường.
- d. Việc tăng mức **phí giá dịch vụ** phát hành và **phí giá dịch vụ** mua lại áp dụng đối với nhà đầu tư chỉ được thực hiện khi mức **phí giá dịch vụ** sau khi tăng không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức **phí giá dịch vụ** mới sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố về các mức **phí giá dịch vụ** mới trên trang thông tin điện tử của công ty.
- e. Trường hợp giảm mức **phí giá dịch vụ** phát hành và **phí giá dịch vụ** mua lại áp dụng đối với nhà đầu tư so với quy định tại Điều này, thời điểm áp dụng mức **phí giá dịch vụ** mới sớm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày Bản cáo bạch công bố về mức **phí giá dịch vụ** mới, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm cập nhật mức **phí giá dịch vụ** mới này vào Điều lệ Quỹ tại kỳ họp Đại hội thường niên gần nhất.

7.4. Điều chỉnh Điều 18. Giá phát hành lần đầu và giá giao dịch hoán đổi: điều chỉnh “phí” thành “giá dịch vụ” cho phù hợp quy định pháp luật.

“ Điều 18. Giá phát hành lần đầu và giá giao dịch hoán đổi

1. Giá phát hành lần đầu: là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư để thu lại danh mục chứng khoán cơ cấu. Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm **phí giá dịch vụ** phát hành quy định tại khoản 9 Điều 16 của Điều lệ này.
2. Giá giao dịch hoán đổi: là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu từ Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và ngược lại.
 - a. Giá giao dịch hoán đổi mà Công ty quản lý quỹ tiếp nhận danh mục chứng khoán cơ cấu đồng thời phát hành một lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư (hay còn gọi là giá phát hành) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ **tính-sử dụng** tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với **phí giá dịch vụ** phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi.
 - b. Giá giao dịch hoán đổi mà Công ty quản lý quỹ mua lại một lô chứng chỉ quỹ đồng thời hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư (hay còn gọi là giá mua lại) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ **tính-sử dụng** tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi **phí giá dịch vụ** mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi.”

7.5. Bổ sung Khoản 5 Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư: *bổ sung cho phù hợp quy định pháp luật.*

“ Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư

...

5. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; tăng mức **giá dịch vụ**, phí trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;”

7.6. Bổ sung Điểm g Khoản 2 Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ: *bổ sung cho phù hợp quy định pháp luật.*

” Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

2. Công ty quản lý quỹ có các quyền sau:

...

- g. Được hưởng các khoản **giá dịch vụ**, phí được quy định trong Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật;”

7.7. Bổ sung Khoản 3 Điều 34. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ: *bổ sung cho phù hợp quy định pháp luật.*

” Điều 34. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ

...

3. Thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại **giá dịch vụ**, phí và mức **giá dịch vụ**, phí đã được quy định rõ tại Điều lệ này.”

7.8. Bổ sung Điểm o Khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 36. Quyền, nghĩa vụ và hoạt động của Ngân hàng giám sát: *bổ sung cho phù hợp quy định pháp luật.*

” Điều 36. Quyền, nghĩa vụ và hoạt động của Ngân hàng giám sát

1. Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát:

...

- o. Không được nhận bất kỳ một lợi ích nào có liên quan đến nghiệp vụ giám sát, lưu ký của Ngân hàng đối với Quỹ (ngoài các khoản **giá dịch vụ**, phí theo quy định tại Hợp đồng giám sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba.

...

2. Quyền của Ngân hàng giám sát

- a. Ngân hàng giám sát được hưởng các loại **giá dịch vụ**, phí cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều lệ này và phù hợp với các quy định của pháp luật;”

7.9. Bổ sung Điểm f Mục A Khoản 2 và phần định giá trái phiếu niêm yết trong Mục D Khoản 2 Điều 52. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ: *bổ sung cho phù hợp quy định pháp luật.*

” Điều 52. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. ...

2. Nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

- A. Công ty quản lý quỹ: Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo:

f. Các khoản mục thuế, **giá dịch vụ**, phí, lệ phí cần được xem xét và điều chỉnh kịp thời theo quy định của pháp luật;

...

D. Giá trị tài sản ròng được xác định theo phương thức sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu		
3.	Trái phiếu niêm yết	<p>- Giá yết hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán (giá sạch) trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá);</p> <p>+ Giá mua cộng lãi lũy kế;</p> <p>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế.</p> <p>- Trường hợp quỹ đấu thầu thành công trái phiếu, thì trong thời gian chờ niêm yết bổ sung, trái phiếu này sẽ được định giá dựa trên lãi suất trúng thầu gần nhất.</p>

7.10. Điều chỉnh Khoản 1-2-3-7 Điều 55. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả: điều chỉnh "phí" thành "giá dịch vụ" cho phù hợp quy định pháp luật.

" Điều 55. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả

1. **Phí Giá dịch vụ** quản lý quỹ

- **Phí Giá dịch vụ** quản lý quỹ là 0,65% giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF VFMVN30/năm tài chính. **Phí Giá dịch vụ** này được trả cho Công ty quản lý quỹ VFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ ETF VFMVN30.

- Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

- Công thức tính phí quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Phí quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ 0,65% **phí giá dịch vụ** quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì phí quản lý quỹ là tổng số phí tại các kỳ định giá trong tháng.

2. **Phí Giá dịch vụ** lưu ký và giám sát

- **Phí Giá dịch vụ** giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. **Phí Giá dịch vụ** được tính vào mỗi kỳ định giá

dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

- **Phí Giá dịch vụ** giám sát là 0,02% NAV/năm (chưa bao gồm thuế GTGT(nếu có)).
- **Phí Giá dịch vụ** lưu ký tối đa là 0,06% NAV/năm. Mức **phí giá dịch vụ** này chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán là 100.000 đồng/giao dịch, không bao gồm các giao dịch hoán đổi.
- Mức **phí giá dịch vụ** trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, phí rút chứng khoán chưa niêm yết, v.v....
- Công thức tính phí giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
Phí giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % **phí giá dịch vụ** giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì **phí giá dịch vụ** giám sát, lưu ký là tổng số **phí giá dịch vụ** tại các kỳ định giá trong tháng.

3. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ

- Phí dịch vụ quản trị quỹ là mức phí do Quỹ ETF VFMVN30 trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.
- Phí dịch vụ quản trị quỹ tối đa là 0,035% NAV/năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có))
- Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính phí dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
Phí dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % phí dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì phí dịch vụ quản trị quỹ tổng số phí tại các kỳ định giá trong tháng.

Tổng **phí giá dịch vụ** Giám sát, Lưu ký, phí dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu hàng tháng là 42 triệu/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)) trong hai năm đầu tiên và từ năm thứ ba trở đi thì mức giá dịch vụ, phí tối thiểu này là 50 triệu/tháng.

Tổng **phí giá dịch vụ** Giám sát, Lưu ký, phí dịch vụ Quản trị quỹ hàng tháng tối đa là 0.5% NAV/ bình quân gia quyền/năm (chưa bao gồm thuế GTGT(nếu có))

Luôn luôn áp dụng mức tối thiểu nêu trên.

...

7. Các loại phí và lệ phí khác

- ...
- Các loại **giá dịch vụ**, chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật."

7.11. Điều chỉnh Điểm a,b,c Khoản 1 Điều 56. Chi phí hoạt động của quỹ: *điều chỉnh “phí” thành “giá dịch vụ” cho phù hợp quy định pháp luật.*

” Điều 56. Chi phí hoạt động của quỹ

1. Chi phí hoạt động của quỹ ETF bao gồm các khoản **giá dịch vụ**, phí, chi phí sau thuế dưới đây:
 - a. **Phí Giá dịch vụ** quản lý tài sản trả cho Công ty quản lý quỹ;
 - b. **Phí Giá dịch vụ** lưu ký tài sản quỹ, **phí giá dịch vụ** giám sát trả cho Ngân hàng giám sát;
 - c. Phí dịch vụ quản trị quỹ, phí dịch vụ quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư và dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các **giá dịch vụ**, phí khác mà Công ty quản lý quỹ trả cho VSD, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;”

7.12. Điều chỉnh Khoản 4 Điều 58. Trình tự, thủ tục giải thể quỹ: *điều chỉnh “phí” thành “giá dịch vụ” cho phù hợp quy định pháp luật.*

” Điều 58. Trình tự, thủ tục giải thể quỹ

4. Hoạt động thanh lý tài sản, thời hạn thanh lý tài sản của quỹ thực hiện theo phương án giải thể đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua, nhưng tối đa không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày công bố bản thông báo về việc giải thể quỹ. Trong thời gian quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, **phí giá dịch vụ** quản lý, **phí giá dịch vụ** giám sát và các chi phí khác được thu theo **biểu giá dịch vụ**, biểu phí đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua. Sau ngày giải thể quỹ, định kỳ hàng tháng, Công ty quản lý quỹ cung cấp cho nhà đầu tư thông tin về chi phí phát sinh trong kỳ, giá trị tài sản ròng còn lại của quỹ, giá trị tài sản ròng còn lại trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng còn lại trên một chứng chỉ quỹ, danh mục tài sản còn lại chưa kịp phân phối cho nhà đầu tư theo mẫu quy định pháp luật hiện hành. Thông báo gửi cho nhà đầu tư phải được cung cấp cho Ủy ban chứng khoán nhà nước kèm theo báo cáo về tài sản và báo cáo danh mục đầu tư của quỹ theo mẫu quy định của pháp luật hiện hành.”

7.13. Bổ sung Khoản 1 Điều 62 - Đăng ký điều lệ: *cập nhật đăng ký điều lệ.*

“Điều 62. Đăng ký điều lệ

1. ...

Điều lệ Quỹ được bổ sung và sửa đổi lần thứ tư bao gồm 16 Chương, 63 Điều và 03 Phụ lục theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2017 của Quỹ ETF VFMVN30 thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 13/04/2018 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13/04/2018.”

7.14. Điều chỉnh Điểm 8- Phụ lục 2- Cam Kết Của Ngân Hàng Giám Sát: *điều chỉnh cho phù hợp.*

“PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

8. ~~Thực hiện nghĩa vụ ghi chép và theo dõi tất cả các giao dịch, các khoản lãi, cổ tức và thu nhập được nhận hoặc được phân phối của Quỹ;~~”

Điều 8: Hiệu lực Nghị quyết Đại hội
Nghị quyết Đại hội có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. Đại hội nhà đầu tư
Chủ tịch Ban đại diện quỹ



NGUYỄN BỘI HỒNG LÊ

Đại diện Công ty quản lý quỹ
Tổng Giám đốc



TRẦN THANH TÂN

P
★